

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2023/HS-ST**
Ngày 17/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hà Hữu Bình và ông Đinh Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HS ngày 04/7/2023, đối với bị cáo:

Lê Ngọc C, sinh ngày 27/4/1972 tại tỉnh Hà Giang.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường Tân Quang, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Lê Quang Súly (đã chết) và bà Sử Thị Giáp (đã chết); vợ: Ngô Thị Hồng Ngọc, sinh năm 1973; con: có 02 con lớn sinh năm 1995 nhỏ sinh năm 2002.

- Tiền án: không

- Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 178/QĐ-XPHC ngày 25/5/2018 của Công an TP Tuyền Quang, xử phạt Lê Ngọc C 3.500.000 đồng về hành vi Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố (nộp phạt ngày 08/6/2018).

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Tân Quang, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang. Có mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vũ Ngọc L, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường M, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Đỗ Thị Huyền T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường A, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn X, xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2019 đến năm 2023, tại thành phố Tuyên Quang, Lê Ngọc C, cư trú tại Tổ dân phố 11, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang đã sử dụng số tiền 60.000.000 đồng để cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cho phép quy định của Bộ luật Dân sự (là 20%/01 năm), mục đích để thu lợi nhuận, cụ thể như sau:

1. Cho Vũ Ngọc L, trú tại Tổ dân phố X, phường M, thành phố Tuyên Quang vay 04 lần:

Lần 1: Ngày 04/3/2019, Chính cho ông Lân vay số tiền 30.000.000 đồng, trả tiền lãi theo tháng 2.700.000 đồng/tháng. Đến ngày 04/7/2021, ông Lân đã trả tiền lãi 28 tháng cho Chính là 75.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 13.808.219 đồng, số tiền thu trái pháp luật là 61.791.781 đồng. Đến ngày 11/8/2021, ông Lân trả đủ tiền gốc cho Chính.

Lần 2: Ngày 04/02/2022, Chính cho ông Lân vay số tiền 9.000.000 đồng, trả tiền lãi theo tháng 810.000 đồng/tháng. Đến ngày 04/3/2022, ông Lân đã trả tiền lãi 01 tháng cho Chính là 810.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 147.945 đồng, số tiền thu trái pháp luật là 662.055 đồng. Số tiền gốc 9.000.000 đồng Chính cho ông Lân nợ lại, không thu lãi.

Lần 3: Ngày 11/4/2022, Chính cho ông Lân vay thêm số tiền 3.000.000 đồng, cộng với nợ cũ chưa trả của khoản vay 9.000.000 đồng trên, tổng là 12.000.000 đồng, trả tiền lãi theo tháng với số tiền là 1.080.000 đồng/01tháng. Đến ngày 11/10/2022, ông Lân trả tiền lãi 06 tháng cho Chính là 6.480.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 1.183.562 đồng, số tiền thu trái pháp luật là 5.296.438 đồng. Số tiền gốc 12.000.000 đồng Chính cho ông Lân nợ lại, không thu lãi tiếp theo.

Lần 4: Ngày 19/10/2022, Chính tiếp tục cho ông Lân vay thêm số tiền 2.000.000 đồng, cộng với nợ cũ chưa trả của khoản vay 12.000.000 đồng trên, tổng là 14.000.000 đồng, trả tiền lãi theo tháng với số tiền là 1.260.000 đồng/01tháng. Đến ngày 19/12/2022, ông Lân trả tiền lãi 02 tháng cho Chính là 2.520.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 460.274 đồng, số tiền thu trái pháp luật là 2.059.726 đồng. Ông Lân chưa trả tiền gốc 14.000.000 đồng.

2. Cho Đỗ Thị Huyền T, trú tại Tổ dân phố X, phường A, thành phố Tuyên Quang vay 01 lần:

Ngày 28/6/2019, Chính cho chị Trang vay 15.000.000 đồng, trả tiền lãi theo tháng 1.350.000 đồng/tháng. Đến ngày 28/02/2023, chị Trang phải trả cho Chính tiền lãi 43 tháng theo thỏa thuận là 58.050.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 10.602.740 đồng, số tiền thu trái pháp luật là 47.447.260 đồng. Chị Trang đã trả 30.350.000 đồng tiền lãi, chưa trả 27.700.000 đồng tiền lãi và 15.000.000 đồng tiền gốc.

3. Cho Trần Tuấn A, trú tại Thôn X, xã K, thành phố Tuyên Quang vay 01 lần:

Ngày 06/02/2021, Chính cho anh Tuấn Anh vay 15.000.000 đồng, trả tiền lãi theo tháng 1.350.000 đồng/tháng. Đến ngày 06/02/2023, Tuấn Anh phải trả cho Chính tiền lãi 24 tháng theo thỏa thuận là 32.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 5.917.808 đồng, số tiền thu trái pháp luật là 26.482.192 đồng. Tuấn Anh đã trả 31.050.000 đồng tiền lãi, chưa trả 1.350.000 đồng tiền lãi và 15.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, từ ngày 04/3/2019 đến ngày 28/02/2023, Lê Ngọc C sử dụng 60.000.000 đồng cho 03 người vay, thu tổng số tiền lãi là 175.860.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp 32.120.548 đồng; số tiền thu trái pháp luật là 143.739.452 đồng (Số tiền người vay chưa trả cho Chính là 44.000.000 đồng tiền gốc và 29.050.000 đồng tiền lãi).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 83/CT-VKSTP ngày 28 tháng 6 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Lê Ngọc C về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Ngọc C về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 3, Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc C từ 03 tháng đến 05 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Buộc bị cáo Lê Ngọc C có trách nhiệm hoàn trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền lãi thu lời bất chính mà thực tế bị cáo đã thu, gồm: Trả lại ông Vũ Ngọc L số tiền 69.810.000 đồng; Trả lại chị Đỗ Thị Huyền T số tiền 24.806.621 đồng; Trả lại anh Trần Tuấn A số tiền 25.378.767 đồng.

- Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX tuyên:

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Lê Ngọc C khoản tiền gốc bị cáo dùng để cho vay đã thu nợ được từ người vay là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của

Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo thực tế đã thu của người vay là 26.814.612 đồng (*hai mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn sáu trăm mười hai đồng*).

Trả lại cho bị cáo 108.800.000 đồng (*một trăm linh tám triệu tám trăm nghìn đồng*) đây là tài sản cá nhân của bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(*Bị cáo Lê Ngọc C được trừ vào số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đã tạm giữ do Chính tự nguyện giao nộp, hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang*)

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc C: 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 15A8006244, 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 337/GCN cấp cho hộ kinh doanh Lê Ngọc C.

- Trả lại cho ông Vũ Ngọc L 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070384086 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 056641 đều mang tên Vũ Ngọc L; trả lại anh Trần Tuấn A: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 071020520 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 108621 đều mang tên Trần Tuấn A; trả lại chị Đỗ Thị Huyền T: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 072605 mang tên Đỗ Thị Huyền T.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc L số tiền 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*); chị Đỗ Thị Huyền T 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*); anh Trần Tuấn A 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) là khoản tiền gốc đã vay của bị cáo Lê Ngọc C nhưng chưa trả.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 136, 331, 333 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Ngọc C không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến tại giai đoạn điều tra.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Lê Ngọc C nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành

quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc C thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu vật chứng thu giữ, các bản sao kê chi tiết giao dịch ngân hàng, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu chứng cứ khác. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 04/3/2019 đến ngày 28/02/2023, tại thành phố Tuyên Quang, Lê Ngọc C, cư trú tại tổ dân phố 11, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang sử dụng số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) tiền gốc ban đầu để quay vòng cho 03 người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với lãi suất 3.000 đồng/01triệu/01ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt 5,475 lần mức lãi suất cho phép quy định của Bộ luật Dân sự (*là 20%/năm*). Thu tổng số tiền lãi là 175.860.000 đồng (*một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*), trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 32.120.548 đồng (*ba mươi hai triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*), số tiền thu trái pháp luật là 143.739.452 đồng (*một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*); số tiền người vay chưa trả cho Chính là 44.000.000 đồng (*bốn mươi bốn triệu đồng*) tiền gốc và 29.050.000 đồng (*hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lãi. Tổng số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo Lê Ngọc C là 143.739.452 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng*).

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo Lê Ngọc C về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có nhận thức, đã biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người đang có một tiền sự tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 178/QĐ-XPHC ngày 25/5/2018 của Công an TP Tuyên Quang, xử phạt Lê Ngọc C 3.500.000 đồng về hành vi Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố (nộp phạt ngày 08/6/2018), đến ngày 04/3/2019 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này. Do đó, cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm minh, để nhằm răn đe giáo dục bị cáo cũng như giáo dục ý thức pháp luật chung trong quần chúng nhân dân.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất và mẹ đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Hình phạt mà Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[5]. Về các biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) bị cáo Lê Ngọc C sử dụng cho ông Vũ Ngọc L, chị Đỗ Thị Huyền T và anh Trần Tuấn A vay là số tiền sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, tuy nhiên ông Vũ Ngọc L chưa trả cho bị cáo số tiền là 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Huyền T chưa trả cho bị cáo số tiền là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Tuấn A chưa trả cho bị cáo số tiền là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*), nên cần buộc bị cáo Lê Ngọc C phải nộp 16.000.000 đồng (*mười sáu triệu đồng*), ông Vũ Ngọc L phải nộp 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*), chị Đỗ Thị Huyền T phải nộp 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*), anh Trần Tuấn A phải nộp 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi do bị cáo Lê Ngọc C đã thu của người vay ông Vũ Ngọc L số tiền 69.810.000 đồng (*sáu mươi chín triệu tám trăm mười nghìn đồng*); chị Đỗ Thị Huyền T số tiền 24.806.621 đồng (*hai mươi tư triệu tám trăm linh sáu nghìn sáu trăm hai mươi một đồng*); anh Trần Tuấn A số tiền 25.378.767 đồng (*hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*) là vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, thì cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Như vậy bị cáo Lê Ngọc C phải trả lại cho ông Vũ Ngọc L, trú tại Tổ dân phố X, phường M, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 69.810.000 đồng (*sáu mươi chín triệu tám trăm mười nghìn đồng*), trả cho chị Đỗ Thị Huyền T trú tại Tổ dân phố X, phường A, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 24.806.621 đồng (*hai mươi tư triệu tám trăm linh sáu nghìn sáu trăm hai mươi một đồng*), trả cho anh Trần Tuấn A trú tại Thôn X, xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 25.378.767 đồng (*hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*)

-Đối với khoản tiền lãi 26.814.612 đồng (*hai mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn sáu trăm mười hai đồng*) không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại

khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay ông Vũ Ngọc L, chị Đỗ Thị Huyền T, anh Trần Tuấn A. Đây là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay nên cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

-Đối với số tiền 108.800.000 đồng (*Một trăm linh tám triệu tám trăm nghìn đồng*), đây là số tiền của bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Bị cáo Lê Ngọc C được trừ vào số tiền 50.000.000 đồng đã tạm giữ của bị cáo Lê Ngọc C, hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang)

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc C: 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 15A8006244, 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 337/GCN cấp cho hộ kinh doanh Lê Ngọc C.

- Trả lại cho ông Vũ Ngọc L 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070384086 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 056641 đều mang tên Vũ Ngọc L;

-Trả lại anh Trần Tuấn A: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 071020520 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 108621 đều mang tên Trần Tuấn A;

-Trả lại chị Đỗ Thị Huyền T: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 072605 mang tên Đỗ Thị Huyền T.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc C phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

- Xử phạt bị cáo Lê Ngọc C 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

-Phạt tiền bị cáo Lê Ngọc C 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Lê Ngọc C số tiền 16.000.000 đồng (*mười sáu triệu đồng*) và số tiền 26.814.612 đồng (*hai mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn sáu trăm mười hai đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước. Tổng cộng hai khoản tiền truy thu trên là 42.814.612 đồng (*Bốn mươi hai triệu tám trăm mười bốn nghìn sáu trăm mười hai đồng*).

(Bị cáo Lê Ngọc C được trừ vào số tiền 50.000.000 đồng đã tạm giữ của bị cáo Lê Ngọc C, hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang)

-Trả lại bị cáo Lê Ngọc C 108.800.000 đồng *(Một trăm linh tám triệu tám trăm nghìn đồng)* nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Truy thu của ông Vũ Ngọc L số tiền 14.000.000 đồng *(mười bốn triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu của chị Đỗ Thị Huyền T số tiền 15.000.000 đồng *(mười lăm triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu của anh Trần Tuấn A số tiền 15.000.000 đồng *(mười lăm triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Lê Ngọc C trả lại cho ông Vũ Ngọc L, trú tại Tổ dân phố X, phường M, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 69.810.000 đồng *(sáu mươi chín triệu tám trăm mười nghìn đồng)*.

Buộc bị cáo Lê Ngọc C trả cho chị Đỗ Thị Huyền T trú tại Tổ dân phố X, phường A, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 24.806.621 đồng *(hai mươi tư triệu tám trăm linh sáu nghìn sáu trăm hai mươi một đồng)*.

Buộc bị cáo Lê Ngọc C trả cho anh Trần Tuấn A trú tại Thôn X, xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 25.378.767 đồng *(hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng)*.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc C 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 15A8006244; đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 5 năm 2012; do phòng tài chính kế hoạch thành phố Tuyên Quang cấp cho hộ kinh doanh Lê Ngọc C.

- Trả lại cho ông Vũ Ngọc L 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070384086 của Vũ Ngọc L, sinh năm 1961 do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 22/4/2012 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 056641 của ông Vũ Ngọc L, sinh năm 1961 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 22/02/2017;

-Trả lại cho anh Trần Tuấn A 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 071020520 của Trần Tuấn A, sinh năm 1997, nơi ĐKKH thường trú: Kim Phú, Yên Sơn, Tuyên Quang do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 01/4/2013 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 108621 của Trần Tuấn A, sinh năm 1997, do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 17/01/2020.

-Trả lại chị Đỗ Thị Huyền T 01(một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 072605 của Đỗ Thị Huyền T, sinh năm 1987, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/3/2018..

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 14/7/2023).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Ngọc C phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Ngọc C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc L, chị Đỗ Thị Huyền T, anh Trần Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án hình sự + Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Hữu Bình – Đình Công Định

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án hình sự + Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà